

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày 05 tháng 7 năm 2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Đặng Văn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 197/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 426/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ A, ấp D, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Là chủ hộ kinh doanh Nga Liêm, có địa chỉ tại: 417, tổ A, ấp D, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Lê Bá T, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh

Phú Yên.

Cùng địa chỉ liên hệ: 29/31, Lê Đức T1, phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ông Phan L là chủ Cửa hàng Đại lý Vật tư Nông nghiệp N, chuyên kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp, thiết bị điện, ống nước, phụ kiện và phân phối phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Ông Nguyễn Thái D thường xuyên mua hàng hóa tại cửa hàng của ông L. Các lần mua hàng trước, ông D đều thanh toán đầy đủ. Đến khoảng tháng 3/2018, ông D tiếp tục mua một lượng lớn vật tư nông nghiệp với tổng giá trị là 184.915.000 đồng. Sau khi đã nhận đủ số lượng đơn hàng thì ông D xin ông L cho nợ lại tiền hàng với lý do nông sản chưa tới mùa thu hoạch và hẹn sau khi bán nông sản sẽ thanh toán hết số tiền 184.915.000 đồng cho ông L. Do tin tưởng ông D ở địa phương và cũng là khách hàng quen nên ông L đã đồng ý cho ông D nợ lại số tiền này. Nhưng quá vụ thu hoạch, ông D không thanh toán như đã hứa nên ngày 09/01/2019, ông L và ông D lập Giấy xác nhận nợ công với nội dung: " Tôi tên Nguyễn Thái D, sinh năm 1992, CMND số 321456324, địa chỉ cư trú Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tôi có mua thiếu vật tư nông nghiệp của Đại lý VTNN Nga Liêm với số tiền là 184.915.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng từ ngày 15/3/2018 đến ngày 09/01/2019). Đại diện đại lý V là ông Phan L, sinh năm 1969, CMND số 272252606, thường trú tại ấp D, xã P, V, Đồng Nai. Bên mua cam kết trong thời gian từ ngày 24/01/2019 đến ngày 24/06/2019 sẽ trả số công nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); đến ngày 24/12/2019, trả 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); đến ngày 24/6/2020 trả hết số tiền còn lại". Hai bên cam kết thực hiện đúng nội dung trong giấy xác nhận công nợ này, bên nào không thực hiện đúng như cam kết sẽ nhờ đến pháp luật giải quyết". Giấy xác nhận công nợ này được ông L1 và ông D ký, ghi rõ họ tên. Tuy vậy, cho đến nay, ông D vẫn chưa trả cho ông L bất cứ khoản tiền nào. Ông L đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo, yêu cầu trả tiền nhưng ông D cố tình tránh né, không thực hiện việc trả số tiền nợ trên cho ông L.

Nay để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết, buộc ông Nguyễn Thái D trả cho ông L số tiền mua hàng còn nợ là: 184.915.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng); Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Thái D trả số tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 10% một năm, tính từ ngày 24/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (05/7/2024) lấy tròn là 03 năm 06 tháng, thành tiền là: 184.915.000 đồng x 10%/ năm x 03 năm 6 tháng = 64.720.000đ (đã làm tròn số). Tổng cộng là 249.635.000 đồng. Ngoài ra ông D còn phải chịu tiền lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn là ông Nguyễn Thái D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tham gia phiên họp, không tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và gửi các tài liệu, chứng cứ kèm theo như Tòa án đã yêu cầu.***

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nên việc Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết dứt điểm vụ án là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Yêu cầu của ông Phan L là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan L. Buộc ông Nguyễn Thái D phải trả tiền nợ và tiền lãi cho ông Phan L như ông L đã yêu cầu và buộc ông Nguyễn Thái D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phan L gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp đối với ông Nguyễn Thái D, có địa chỉ tại: Ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại

khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Thái D không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng, nhưng đều vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên không có ý kiến trình bày. Cho đến nay, ông D không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn là ông L đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thái D.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện nguyên đơn cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1 Nguyên đơn ông Phan L yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái D số tiền gốc là: 184.915.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng); Yêu cầu ông Nguyễn Thái D trả số tiền lãi chậm trả trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 24/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/7/2024) là 64.720.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp và có căn cứ, ông L2 đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ công” do ông D và ông L cùng ký tên, có nội dung như đã nêu tại phần trình bày nguyên đơn.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, “Giấy xác nhận nợ công” do ông L cung cấp, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vv... Tòa án đều đã nêu rõ nội dung khởi kiện của ông L về việc ông L yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông L - chủ đại lý V số tiền còn nợ từ việc mua vật tư nông nghiệp và tiền lãi do chậm thanh toán như đã nêu ở trên, kèm theo chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ công” mà ông L đã cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, trong Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ, Tòa án

còn hướng dẫn ông D có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, nêu ý kiến về tài liệu chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ công” mà ông L đã giao nộp mà Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông D. Trong trường hợp cho rằng chữ ký, chữ viết Nguyễn Thái D trong “Giấy xác nhận nợ công” không phải của ông thì ông có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định và liên hệ với Tòa án để hướng dẫn thủ tục này. Nhưng ông D không trình bày quan điểm, ý kiến của mình, không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án như đã được hướng dẫn và yêu cầu, đồng thời cũng không đến Tòa án làm việc.

Như vậy, ông D không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L, không phản đối chứng cứ là “Giấy xác nhận nợ công” mà ông D đã giao nộp cho Tòa án. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “ Một bên thừa nhận hoặc **không phản đối** những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà ông L đã cung cấp là “Giấy xác nhận nợ công” và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét các tài liệu, chứng cứ mà ông L giao nộp thì thấy:

“Giấy xác nhận nợ công” được ký kết giữa ông Nguyễn Thái D với ông L - chủ hộ kinh doanh N có nội dung chính là: ông D còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông L là 184.915.000 đồng. Ông D cam kết sẽ trả 50.000.000 đồng vào ngày 24/6/2019 và đến ngày 24/12/2019 sẽ trả 50.000.000 đồng và đến ngày 24/6/2020 sẽ trả hết số tiền còn lại. Như vậy giữa ông Nguyễn Thái D và ông Phan L có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau và số tiền mà ông D còn nợ của ông L tính đến ngày 09/01/2019 là 184.915.000 đồng như người đại diện của ông L đã trình bày là đúng.

Ông D không phản đối yêu cầu khởi kiện của ông L, cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả số nợ này. Do vậy ông D phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền còn nợ từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp là 184.915.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Theo cam kết của ông D thì chậm nhất là ngày 24/6/2020, ông D sẽ thanh toán xong hết toàn bộ số tiền nợ cho ông L nhưng ông D không thực hiện. Do vậy việc ông L yêu cầu ông D phải trả tiền lãi cho ông L với lãi suất 10% một năm, tính từ ngày 24/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, thành tiền 64.720.000đ cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan L về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Thái D phải trả số tiền nợ là số tiền 184.915.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 64.720.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Thái D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.486.000đ. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông L đã nộp.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 430, 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của là ông Phan L – chủ hộ kinh doanh N.

Buộc ông Nguyễn Thái D phải trả cho ông Phan L số tiền 249.635.000đ (hai trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Trong đó, tiền nợ mua hàng chưa thanh toán là 184.915.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 64.720.000đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Thái D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là **12.482.000đ** (mười hai triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông Phan L số tiền tạm ứng án phí 5.778.575đ (năm triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) mà ông L đã nộp theo biên lai thu số 0005624 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Diễn